

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 01**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 21.....

Số bài thi: 21.....

Số tờ giấy thi: 21.....

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm T. Sinh</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phạm T. Sinh</i>
--	---	---	--

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050001	PHẠM THẾ ANH	12/08/2001	CCQ1905A			<i>Phạm Thế Anh</i>	6,0	5,0	5,4	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
2	2119050041	NGÔ MINH HIẾU	02/08/2000	CCQ1905B			<i>Ngô Minh Hiếu</i>	8,5	7,0	7,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
3	2119050042	LÊ KHẮC HOAN	10/03/2001	CCQ1905B			<i>Lê Khắc Hoan</i>	7,0	5,0	5,8	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
4	2119050008	NGUYỄN THANH HUY	01/02/2001	CCQ1905A			<i>Nguyễn Thanh Huy</i>	5,0	6,0	5,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
5	2119050015	LƯƠNG TẤN LỰC	11/07/2001	CCQ1905A			<i>Lương Tấn Lực</i>	6,0	5,0	5,4	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
6	2118050035	NGUYỄN NGỌC MINH	09/07/2000	CCQ1805A			<i>Nguyễn Ngọc Minh</i>	5,0	6,0	5,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
7	2119050016	NGÔ ĐÌNH NAM	20/10/2001	CCQ1905A			<i>Ngô Đình Nam</i>	7,5	5,0	6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
8	2119050017	LÊ TRỌNG NGHĨA	21/01/2001	CCQ1905A			<i>Lê Trọng Nghĩa</i>	7,0	5,0	5,8	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
9	2119050020	NGUYỄN ĐẶNG PHONG	15/05/2000	CCQ1905A			<i>Nguyễn Đăng Phong</i>	5,0	7,5	6,5	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
10	2119050024	TRẦN THANH SANG	16/12/2000	CCQ1905A			<i>Trần Thanh Sang</i>	8,5	8,0	8,2	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
11	2117050133	THIÊN LƯU SƠN	24/09/1999	CCQ1705B			<i>Thiên Lưu Sơn</i>	7,0	8,0	7,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
12	2119050025	CAO HỮU TÀI	22/10/2001	CCQ1905A			<i>Cao Hữu Tài</i>	8,5	7,0	7,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
13	2119050058	NGUYỄN TẤN THÀNH	02/04/2001	CCQ1905B			<i>Nguyễn Tấn Thành</i>	8,0	8,0	8,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
14	2119050028	NGUYỄN VĂN THUẬN	10/02/2001	CCQ1905A			<i>Nguyễn Văn Thuận</i>	7,0	7,0	7,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
15	2119050064	TRƯƠNG NHẬT TIỀN	21/06/2001	CCQ1905B			<i>Trương Nhật Tiến</i>	5,0	7,0	6,6	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
16	2119050029	NGUYỄN THANH TÌNH	03/04/2001	CCQ1905A			<i>Nguyễn Thanh Tình</i>	5,0	6,0	6,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
17	2119050030	KIỀU VẤN TRỌNG	26/10/2001	CCQ1905A			<i>Kiều Vấn Trọng</i>	7,5	8,5	8,1	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
18	2119050031	HUỖNH NHẬT TRƯỜNG	20/10/2001	CCQ1905A			<i>Huỳnh Nhật Trường</i>	7,0	5,5	6,1	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
19	2119050065	TRẦN VĂN TUẤN	15/11/2001	CCQ1905B			<i>Trần Văn Tuấn</i>	5,0	5,5	5,3	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)
20	2119050033	PHAN THANH TÙNG	29/05/2001	CCQ1905A			<i>Phan Thanh Tùng</i>	5,0	5,0	5,0	(V 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10)	(0 1 2 3 4 5 6 7 8 9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 01**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 21

Số bài thi: 21

Số tờ giấy thi: 21

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Thị</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phạm Thị</i>
--	-------------------------------------	---	--------------------------------------

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050069	PHAN THẾ VỸ	20/09/2001	CCQ1905B			<i>Phan Thế Vỹ</i>	8,0	8,0	8,0	(V) (0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)	(0) (1) (2) (3) (4) (5) (6) (7) (8) (9)

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 03**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt:23....

Số bài thi:23....

Số tờ giấy thi:23....

Cán bộ coi thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	Cán bộ coi thi 2 <i>Phạm Tấn Sĩ</i>	G.Viên chấm thi 1 <i>Đào Thanh Tâm</i>	G.Viên chấm thi 2 <i>Phạm Tấn Sĩ</i>
--	--	---	---

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
1	2119050070	PHAN KIM TUẤN ANH	07/04/2001	CCQ1905C			<i>Phan Tuấn Anh</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	2119050072	PHẠM QUỐC BẢO	20/09/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Quốc Bảo</i>	5,0	6,0	5,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	2119050071	TRẦN GIA BẢO	01/01/2001	CCQ1905C			<i>Trần Gia Bảo</i>	8,5	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	2119050073	NGUYỄN DUY CƯỜNG	12/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Duy Cường</i>	8,5	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	2119050038	HỒ DUY ĐÔNG	05/07/2001	CCQ1905B			<i>Hồ Duy Đông</i>	6,0	6,5	6,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	2119050078	NGUYỄN QUANG HIẾU	25/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Quang Hiếu</i>	5,5	7,0	6,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	2119050080	NGUYỄN TẤN HOÀNG	01/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Hoàng</i>	7,5	7,5	7,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	2119050081	PHAN NGỌC HUY	05/12/1998	CCQ1905C			<i>Phan Ngọc Huy</i>	7,0	8,0	7,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	2119050082	VÕ VĂN HUY	15/09/2001	CCQ1905C			<i>Võ Văn Huy</i>	8,0	8,0	8,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	2119050085	TRẦN VĂN NGỌC LONG	11/08/2000	CCQ1905C			<i>Trần Văn Ngọc Long</i>	8,0	7,0	7,4	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	2119050086	NGUYỄN THÀNH LUẬN	20/02/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Thành Luận</i>				(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	2119050087	NGUYỄN VĂN LỰC	03/08/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Văn Lực</i>	3,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	2119050092	HUỲNH HỮU PHƯỚC	14/04/2001	CCQ1905C			<i>Huỳnh Hữu Phước</i>	7,5	6,5	6,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	2119050091	PHẠM NGỌC PHƯƠNG	19/10/2001	CCQ1905C			<i>Phạm Ngọc Phương</i>	5,0	7,0	6,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	2119050093	KIỀU NGỌC QUANG	13/07/2001	CCQ1905C			<i>Kiều Ngọc Quang</i>	8,5	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	2119050094	HUỲNH VĂN QUYẾT	10/11/1998	CCQ1905C			<i>Huỳnh Văn Quyết</i>	7,5	8,0	7,8	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	2119050096	NGUYỄN NHÂN TÀI	14/10/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Nhân Tài</i>	7,5	7,0	7,2	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	2119050097	NGUYỄN TẤN TÀI	09/12/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Tấn Tài</i>	6,0	7,0	6,6	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
19	2119050099	BÁO VĂN LỘC THỌ	04/01/2001	CCQ1905C			<i>Báo Văn Lộc Thọ</i>	7,0	7,5	7,3	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	2119050100	NGUYỄN MINH TIẾN	27/06/2001	CCQ1905C			<i>Nguyễn Minh Tiến</i>	6,0	6,0	6,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI

Học kỳ 2 - Năm học 2021 - 2022

Môn học: **Thực tập lắp đặt điện (228260) - Nhóm 03**

CBGD: **Đào Thanh Tâm (280037)**

Số SV có mặt: 23.....

Số bài thi: 23.....

Số tờ giấy thi: 23.....

Cán bộ coi thi 1	Cán bộ coi thi 2	G.Viên chấm thi 1	G.Viên chấm thi 2
<i>Đào Thanh Tâm</i> <i>phạm T Sùng</i>	<i>Đào Thanh Tâm</i> <i>phạm T Sùng</i>	<i>Đào Thanh Tâm</i> <i>phạm T Sùng</i>	<i>Đào Thanh Tâm</i> <i>phạm T Sùng</i>

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Mã lớp	H.Phí	Số Tờ Mã Đề	Chữ ký SV	Đ.QT 40%	Đ.Thi 60%	Điểm HP	Tô đậm vòng tròn cho điểm nguyên	Tô đậm vòng tròn cho điểm thập phân
21	2119050101	ĐẶNG TRUNG TÍN	21/12/1998	CCQ1905C			<i>Đ. Trung Tín</i>	8,5	8,5	8,5	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	2119050102	SƯ MINH TỐT	22/09/1999	CCQ1905C			<i>S. Minh Tốt</i>	7,0	7,0	7,0	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	2119050103	LÊ QUỐC TỰ	27/09/2001	CCQ1905C			<i>L. Quốc Tự</i>	8,0	7,0	7,9	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	2119050104	LƯU TRƯƠNG TY	21/05/2001	CCQ1905C			<i>L. Trương Ty</i>	7,0	5,5	6,1	(V) 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9